



EVEREST
SECURITIES

CTCP Tập Đoàn Hòa Phát [MUA, +28.7%] (HPG: HOSE)

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

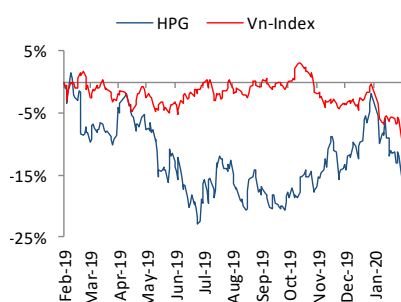
Giá cổ phiếu (đồng/cp)	22,300
Giá mục tiêu (đồng/cp)	28,700
Tiềm năng tăng/giảm (%)	28.7
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	27,191
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	20,600
Tăng/giảm giá 3 tháng (%)	1.3
Tăng/giảm giá 6 tháng (%)	3.7
Tăng/giảm giá 12 tháng (%)	(15.2)
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng)	65,023
KLGDQ (ngàn cổ, 3 tháng)	6,109
SL CP lưu hành (triệu cp)	2,761
Nước ngoài đang sở hữu (%)	38.6
Giới hạn SH nước ngoài (%)	49.0
P/E trượt 12 tháng (x)	8.4
P/E dự phóng 12 tháng (x)	6.5

TÓM TẮT TÀI CHÍNH

	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu (tỷ đồng)	33,885	46,855	56,580	63,658
Tăng trưởng (% y/y)	21.6%	38.3%	20.8%	14.0
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	6,602	8,007	8,573	7,578
Tăng trưởng (% y/y)	88.5%	21.3%	7.3%	(11.9)
Biên lợi nhuận ròng (%)	19.5%	17.1%	15.2%	11.9
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	19,850	32,398	40,609	47,787
Tổng tài sản (tỷ đồng)	33,227	53,022	78,225	101,790
ROA (%)	22.5%	18.6%	13.1%	8.4
ROE (%)	38.5%	30.7%	23.5%	17.1
EPS (đồng)	7,833	5,278	4,036	2,744
BVPS (đồng)	23,425	21,282	19,060	17,307
Cổ tức (đồng)	1,500	0	0	0
P/E (x)	4.2	6.2	8.1	8.4
EV/EBITDA (x)	3.1	5.0	7.1	8.2
P/B (x)	1.4	1.5	1.7	1.3

Nguồn: FiinPro, EVS dự phóng

Tăng trưởng giá so với VN-index



Nguồn: Fiinpro

NHẬN ĐỊNH ĐẦU TƯ

- Kế hoạch mở rộng Khu Liên Hợp Dung Quất hiện chưa có tác động đến hoạt động sản xuất trong năm 2020. Sau khi có sự đồng ý thông qua lấy ý kiến, doanh nghiệp còn phải xin ý kiến từ các bộ ngành liên quan, việc này thông thường mất từ 2-3 năm sau khi lấy ý kiến cổ đồng.
- Hiện tình trạng dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nguồn cung phôi và thép cán nóng tới thị trường thép Việt Nam, Hòa Phát có thể được hưởng lợi từ sự thiếu hụt này nhờ chuỗi sản xuất khép kín.
- Trong tháng 2, HPG đã tiêu thụ được 205,490 tấn thép xây dựng trong nội địa và xuất khẩu 40,000 tấn thép xây dựng cùng với 110,000 tấn phôi thép.

ĐIỂM HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

- Chúng tôi cho rằng là HPG đã bước qua giai đoạn đáy của lợi nhuận và sẽ cải thiện trong các quý tới nhờ lò cao số 1 đi vào hoạt động thương mại.
- Cuối Q1.2020 HPG sẽ bắt đầu mở bán dự án đô thị Phố Nối-Hưng Yên, tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 1 dự án khoảng 2,800 tỷ đồng. Năm 2020, HPG sẽ áp dụng ưu đãi thuế doanh nghiệp 0% cho dự án Dung Quất.
- Vào 04.2020 HPG sẽ bắt đầu đón tàu 200.000DWT sẽ giúp HPG giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhập từ nước ngoài, chi phí ước tính giảm 3-5 usd/tấn quặng sắt, sẽ giúp cải thiện biên lợi nhuận cho 2H2020.

ĐỊNH GIÁ VÀ RỦI RO

- Chúng tôi sử dụng phương pháp PE để định giá cổ phiếu HPG.
- Giá mục tiêu: HPG được xác định giá hợp lý ở mức **28,700 đồng/cổ phiếu**.
- Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu HPG.
- Rủi ro của HPG là biến động giá nguyên liệu đầu vào và tính chu kỳ của ngành bất động sản.

**Khuyến nghị Mua với giá mục tiêu
28,700 đồng/cổ phiếu**

Trần Văn Thảo, CFA – Chuyên viên Nghiên cứu

thaotv@eves.com.vn

HPG đã công bố nghị quyết HĐQT việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về kế hoạch mở rộng dự án Dung Quất nâng công suất Khu liên hợp lên thêm 5 triệu tấn thép

Việc mở rộng Khu liên hợp Dung Quất chúng tôi đánh giá là tích cực

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2019 của HPG đạt lần lượt là 63,658 tỷ đồng (+14.0% yoy) và 7,578 tỷ đồng (-11.9% yoy).

ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH MỞ RỘNG KHU LIÊN HỢP GANG THÉP DUNG QUẤT

Ngày 11.02.2020, HPG đã công bố nghị quyết HĐQT việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về kế hoạch mở rộng dự án Dung Quất nâng công suất Khu liên hợp lên thêm 5 triệu tấn thép bao gồm: 3 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC); 1 triệu tấn thép hình; 0.5 triệu tấn thép dây cuộn chất lượng cao và 0.5 triệu thép tròn cơ khí. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho kế hoạch mở rộng này là 60,000 tỷ đồng được chia làm 2 giai đoạn, với thời gian hoàn thành mỗi giai đoạn là 36 tháng. HPG dự kiến cơ cấu nguồn vốn cho dự án là 40% vốn vay và 60% vốn chủ sở hữu.

Đây chỉ là bước đầu tiên trước khi bắt đầu 1 dự án, việc dự án mở rộng Khu Liên Hợp được khởi công còn phải được sự đồng ý từ các bộ, ngành liên quan. Quan điểm chúng tôi cho rằng kế hoạch mở rộng ít nhất phải 2-3 năm nữa mới được bắt đầu xây dựng.

Nguồn vốn đầu tư dự án mở rộng chúng tôi cho rằng ít khả năng sẽ cần vốn từ việc phát hành thêm. Hiện tại trung bình dòng tiền tự hoạt động kinh doanh của HPG đạt trên 6,000 tỷ đồng/năm. Khi khu liên hợp Dung Quất đi vào hoạt động đồng bộ chúng tôi kỳ vọng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh sẽ đạt từ 10,000 tỷ đồng trở lên, nguồn tiền sẽ giúp HPG giảm được nợ vay và sử dụng cho kế hoạch mở rộng trong các năm tới.

Các loại thép HPG dự kiến sản xuất hiện tại Việt Nam đang phải nhập khẩu hoàn toàn 100%, chúng tôi cho rằng áp lực cạnh tranh sẽ không lớn.

Việc mở rộng Khu liên hợp Dung Quất chúng tôi đánh giá là tích cực vì tận dụng được cảng biển để đón được tàu công suất lớn 200,000 DWT sẽ giảm được giá thành sản phẩm, và tiên phong chiếm lĩnh thị phần sản xuất các loại thép hiện Việt Nam chưa sản xuất được.

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 63,658 tỷ đồng (+14.0% yoy) và 7,578 tỷ đồng (-11.9% yoy). Tổng sản lượng thép xây dựng tiêu thụ trong năm 2019 đạt 2,776,703 tấn (+16.8% yoy), thị phần thép ước tính đạt khoảng 26% so với cùng kỳ là 23%. Sản lượng ống thép tiêu thụ đạt 750,000 tấn (+14.8% yoy) thị phần đạt khoảng 31% so với cùng kỳ là 27.7%.

Lợi nhuận trong năm 2019 giảm so với cùng kỳ mặc dù lợi nhuận tăng 14% do tỷ suất lợi nhuận của mảng thép giảm mạnh so với cùng kỳ chỉ đạt 13.3% so với năm 2018 là 16.8%, mảng nông nghiệp có tỷ suất lợi nhuận cải thiện đạt 7% so với năm 2018 là 3.3% nhờ tăng sản lượng tiêu thụ thịt bò Úc và trứng gà.

Hình 1: Cơ cấu doanh thu (tỷ đồng)

Doanh thu	2019	2018	% yoy
Thép	50,177	46,423	8.1%
Sản xuất công nghiệp	3,170	3,160	0.3%
Bất động sản	1,616	1,651	-2.1%
Nông nghiệp	7,983	4,594	73.8%

Nguồn: HPG

Hình 2: Cơ cấu lợi nhuận (tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế	2019	2018	% yoy
Thép	6,649	7,784	-14.6%
Sản xuất công nghiệp	385	331	16.3%
Bất động sản	443	481	-7.9%
Nông nghiệp	556	150	270.7%

Nguồn: HPG

Hình 3: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế

Tỷ suất LNST	2019	2018	Chênh lệch
Thép	13.3%	16.8%	-3.5%
Sản xuất công nghiệp	12.1%	10.5%	1.7%
Bất động sản	27.4%	29.1%	-1.7%
Nông nghiệp	7.0%	3.3%	3.7%

Nguồn: HPG

HPG đã đưa vào hoạt động đồng bộ giai đoạn 1 và đã đạt được hơn 90% công suất thiết kế của 2 lò cao thuộc giai đoạn 1.

Nợ vay dài hạn thời điểm cuối năm 2019 giảm khoảng 896 tỷ đồng so với Q3.2019 cho thấy rằng khả năng thu hồi vốn bằng tiền mặt của HPG đang rất tốt.

Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 87,297 tỷ đồng (+37.1% yoy) và 9,857 tỷ đồng (+30.0% yoy).

Trong năm 2019, HPG đã đưa vào hoạt động đồng bộ giai đoạn 1 và đã đạt được hơn 90% công suất thiết kế của 2 lò cao thuộc giai đoạn 1. 2 lò cao đã đưa vào hoạt động chính thức tháng 12.2019 sau giai đoạn chạy thử nghiệm, dẫn đến trong Q4.2019 HPG đã bắt đầu tính khấu hao tài sản cố định cho các lò cao dẫn đến chi phí khấu hao trong Q4.2019 tăng cao so với các quý trước lên hơn 800 tỷ đồng so với trung bình Q1, Q2, Q3.2019 là 500 tỷ đồng, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận ròng giảm mạnh so với cùng kỳ chỉ đạt 10% so với cùng kỳ Q4.2018 là 14%.

Cũng cần lưu ý rằng chúng tôi thấy nợ vay dài hạn thời điểm cuối năm 2019 giảm khoảng 896 tỷ đồng so với Q3.2019 cho thấy rằng khả năng thu hồi vốn bằng tiền mặt của HPG đang rất tốt, dù đang trong thời kỳ xây dựng nhưng vẫn có dòng tiền để giảm tỷ nợ vay. Chúng tôi cho rằng xu hướng giảm nợ vay dài hạn của HPG sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2020.

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2020

Trong năm 2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của HPG dự kiến lần lượt đạt 87,297 tỷ đồng (+37.1% yoy) và 9,857 tỷ đồng (+30.0% yoy). Năm 2020 được xem là năm bản lề của HPG khi dự án Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động đồng bộ. Sản lượng tiêu thụ thép thanh ước đạt 3.5-3.6 triệu tấn so với 2.7-2.8 triệu tấn năm 2019. HPG sẽ bắt đầu vận hành lò cao số 3 vào đầu Q2.2020, các bến cảng số 10 và 11 có thể đón tàu 200,000 DWT cũng sẽ đi vào vận hành cuối Q1.2020. Đây là 2 bến có thể đón được tàu có trọng tải lớn sẽ chủ yếu dùng để nhập nguyên, vật liệu từ nước ngoài, sẽ giúp HPG tiết kiệm được chi phí 3-5USD/tấn quặng sắt so với Hải Dương. Đây sẽ là lợi thế cạnh tranh của HPG so với các doanh nghiệp cùng ngành.

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

HPG hiện đang giao dịch ở mức PE trailing là 8.4x và PE forward 2019 là 6.5x, chúng tôi cho rằng mức giá hiện tại chưa thể hiện hết tiềm năng dự án Dung Quất. Dung Quất là động lực phát triển của cổ phiếu HPG trong 5-10 năm tới khi đi vào vận hành đồng bộ trong năm 2020.

Chúng tôi lạc quan về triển vọng của HPG trong 5 năm tới do lợi thế về giá thành do chuỗi sản xuất thượng nguồn, và sản xuất được những loại thép chất lượng cao mà hiện nay Việt Nam đang phải nhập khẩu 100%. Chúng tôi

cho rằng lợi nhuận của HPG hiện đang ở vùng đáy và bắt đầu cải thiện dần trong các quý tới khi giá quặng giảm và dự án Dung Quất bắt đầu đóng góp vào kết quả kinh doanh trong Q4.2019 và năm 2020.

Ngoài ra, HPG cũng có kế hoạch bắt đầu trả cổ tức bằng tiền mặt trở lại trong năm 2020, cũng là yếu tố tích cực làm động lực tăng giá ngắn hạn cho HPG.

Chúng tôi dùng phương pháp PE để định giá cổ phiếu HPG, EPS bình quân của năm 2019 và 2020 là 3,157 đồng/cổ phiếu. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu HPG với giá mục tiêu là **28,700 đồng/cổ phiếu**, tương ứng với mức PE mục tiêu trong năm 2019 & 2020 là 9.0x.

**Khuyến nghị MUA cổ phiếu HPG
với giá mục tiêu là 28,700 đồng/
cp.**

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VNĐ)	2016	2017	2018
Doanh số thuần	33,283.21	46,161.69	55,836.46
Giá vốn hàng bán	-24,532.65	-35,536.12	-44,165.63
Lãi gộp	8,750.56	10,625.57	11,670.83
Thu nhập tài chính	197.18	186.22	294.41
Chi phí tài chính	-367.99	-555.76	-772.32
Trong đó: Chi phí lãi vay	-279.95	-479.71	-539.86
Chi phí bán hàng	-489.95	-594.71	-678.73
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-404.59	-409.04	-442.11
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	7,684.68	9,252.12	10,072.09
Thu nhập khác	434.47	432.79	488.86
Chi phí khác	-417.32	-396.55	-489.87
Thu nhập khác, ròng	17.15	36.25	-1.01
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0.00	0.00	0.00
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	7,701.82	9,288.37	10,071.07
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-1,095.62	-1,273.61	-1,470.52
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	6,606.20	8,014.76	8,600.55
Lợi ích của cổ đông thiểu số	4.10	8.08	27.54
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	6,602.10	8,006.67	8,573.01

Chỉ số hoạt động

	2016	2017	2018
Tỷ suất lợi nhuận gộp	26.29%	23.02%	20.90%
Tỷ suất EBIT	23.60%	20.84%	18.89%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế %	23.14%	20.12%	18.04%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	19.85%	17.36%	15.40%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Gián tiếp - Tỷ VNĐ	2016	2017	2018
Lãi trước thuế	7,701.82	9,288.37	10,071.07
Khấu hao TSCĐ	1,674.33	2,004.66	2,284.10
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-142.79	-100.14	-153.36
Chi phí lãi vay	279.95	479.71	539.86
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	9,421.55	11,657.00	12,699.30
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-486.37	-462.71	-2,128.94
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-3,334.84	-2,201.68	-1,596.73
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2,294.02	-427.14	1,459.76
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	121.80	-57.14	-500.73
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ HĐKD	6,818.72	6,058.32	7,600.45
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-3,416.97	-8,875.04	-27,594.07
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	27.79	6.99	107.77
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-10.56	-13,644.06	-11,295.50
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	271.60	4,461.99	17,443.01
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0.00	-40.83	-116.09
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư	0.00	0.65	17.60
Cổ tức và tiền lãi nhận được	0.00	164.53	946.19
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-3,128.13	-17,925.77	-20,491.08
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0.01	5,057.29	11.42
Tiền thu được các khoản đi vay	28,158.08	37,194.70	53,472.01
Tiền trả các khoản đi vay	-28,560.49	-30,674.53	-42,335.01
Cổ tức đã trả	-1,102.41	-3.75	-5.92
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-1,504.81	11,573.69	11,142.51
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2,185.78	-293.75	-1,748.12
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2,372.76	4,558.66	4,264.64
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4,558.66	4,264.64	2,515.62

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ)	2016	2017	2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	18,182.79	33,068.06	26,013.63
Tiền và tương đương tiền	4,558.66	4,264.64	2,515.62
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	693.50	9,936.71	3,724.56
Các khoản phải thu	2,394.83	6,555.42	3,915.16
Hàng tồn kho, ròng	10,247.18	11,748.87	14,115.16
TÀI SẢN DÀI HẠN	15,043.77	19,954.12	52,211.33
Phải thu dài hạn	18.17	21.81	22.30
Tài sản cố định	12,670.46	13,197.80	12,782.56
Giá trị ròng tài sản đầu tư	202.76	191.19	179.74
Tài sản dở dang dài hạn	1,154.98	5,468.75	37,404.37
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	33,226.55	53,022.18	78,224.96
NỢ PHẢI TRẢ	13,376.29	20,624.60	37,616.01
Nợ ngắn hạn	11,985.02	18,519.72	24,299.20
Phải trả người bán	3,733.63	4,226.44	10,354.04
Người mua trả tiền trước	1,036.12	824.28	361.44
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.43	2.86	9.93
Vay ngắn hạn	5,488.17	11,328.52	11,494.72
Nợ dài hạn	1,391.27	2,104.88	13,316.82
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0.00	0.00	0.00
Người mua trả tiền trước dài hạn	0.00	0.00	0.00
Doanh thu chưa thực hiện	0.00	0.00	0.00
Vay dài hạn	972.20	1,651.49	12,811.00
VỐN CHỦ SỞ HỮU	19,850.26	32,397.58	40,608.95
Vốn góp	8,428.75	15,170.79	21,239.07
Thặng dư vốn cổ phần	674.15	3,202.20	3,211.56
Lãi chưa phân phối	9,486.35	13,397.03	15,111.14
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	105.69	110.61	128.26
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	33,226.55	53,022.18	78,224.96

Chỉ số chính

	2016	2017	2018
Chỉ số định giá			
P/E	4.17	6.20	8.10
P/E pha loãng	4.17	6.20	8.10
P/B	1.40	1.54	1.72
P/S	0.83	1.07	1.24
P/Tangible Book	1.40	1.54	1.72
P/Cash Flow	4.04	8.19	9.14
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	3.09	5.02	7.11
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	3.75	6.06	8.65
Hiệu quả quản lý			
ROE%	38.48	30.65	23.49
ROA%	22.48	18.57	13.06
ROIC%	29.86	21.20	16.25
Cấu trúc tài chính			
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.38	0.23	0.10
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.58	0.58	0.26
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.52	1.79	1.07
Tổng công nợ/Vốn CSH	0.67	0.64	0.93
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.40	0.39	0.48
Chỉ số hoạt động			
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	24.14	26.03	26.08
Hệ số quay vòng HTK	2.79	3.19	3.39
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	7.70	8.93	6.06

CÁC MỨC KHUYẾN NGHỊ

MUA:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư ít nhất là +14%.
NẮM GIỮ:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư nằm trong khoảng +/-14%.
BÁN:	Lợi nhuận kỳ vọng của 12 tháng đầu tư thấp hơn -14%.
KHÔNG XẾP HẠNG:	Do thiếu những thông tin cần thiết nên chúng tôi không thể thực hiện khuyến nghị.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (EVS), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo. EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS)- www.eves.com.vn

Trụ sở chính:

Tầng 2, VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296 - Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Hàm Nghi:

Tầng 4, Ruby Tower, 81-85 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 3915 2616 - Fax: (84) 28 3915 2618

Chi nhánh Bà Triệu:

Tầng 1, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 39366866 - Fax: (84) 24 3936 6586